Chi tiết mã HS 8456.90.90

Mã HS	8456.90.90
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 11:00:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84569090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14086
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14086
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14086
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13414
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13355
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13355
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13355
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13355
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13355
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13355
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13409
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13409
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13409
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13409

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13409
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13409
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13410
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13410
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13410
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13410
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13410
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13410
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13413
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13361
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13369
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13369
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13369
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13369
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13369
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13369
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13400
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13400
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13400
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13400
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13400
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13400
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13449
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13449
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13449
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13449

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13449
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13449
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13432
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13432
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13432
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13432
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13432
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13432
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13432
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13432
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13432
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13432
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13432
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13432
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13447
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13447
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13447
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13447
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13447
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13447
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13446
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13446
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13446
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13446
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13446
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13426
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13426
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13426
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13426
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13426
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13426
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13426
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13434
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13434
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13434
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13434
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13434
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13434
RCEP B	2022	2022	0	B!D13434
RCEP B	2023	2023	0	B!E13434
RCEP B	2024	2024	0	B!F13434
RCEP B	2025	2025	0	B!G13434
RCEP B	2026	2026	0	B!H13434
RCEP B	2027	2027	0	B!I13434
RCEP C	2022	2022	0	C!D13434
RCEP C	2023	2023	0	C!E13434
RCEP C	2024	2024	0	C!F13434
RCEP C	2025	2025	0	C!G13434
RCEP C	2026	2026	0	C!H13434
RCEP C	2027	2027	0	C!I13434
RCEP D	2022	2022	0	D!D13433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13433
RCEP D	2024	2024	0	D!F13433
RCEP D	2025	2025	0	D!G13433
RCEP D	2026	2026	0	D!H13433
RCEP D	2027	2027	0	D!I13433
RCEP E	2022	2022	0	E!D13437
RCEP E	2023	2023	0	E!E13437
RCEP E	2024	2024	0	E!F13437
RCEP E	2025	2025	0	E!G13437
RCEP E	2026	2026	0	E!H13437
RCEP E	2027	2027	0	E!I13437
RCEP F	2022	2022	0	F!D13434
RCEP F	2023	2023	0	F!E13434
RCEP F	2024	2024	0	F!F13434
RCEP F	2025	2025	0	F!G13434
RCEP F	2026	2026	0	F!H13434
RCEP F	2027	2027	0	F!I13434
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12464
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12464
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12464
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12464

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8456.90 có 2 dòng thuế; dòng 8456.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8456.90.20 Thiết bị gia công ướt ứng dụng công nghệ nhúng dung dịch điện hóa, dùng để tách vật liệu trên các tấm mạch in hoặc tấm dây in	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8456.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8456.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14086), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.